

Bản án số: 120/2018/HNGĐ-ST

Ngày 27-9-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 450/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Y, sinh năm 1975; thường trú: Thôn 3, xã Đ, huyện V, tỉnh H. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức P, sinh năm 1973; thường trú: Số 744B/7, khu phố B, phường B, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức P sau thời gian tìm hiểu nhau thì tự nguyện kết hôn năm 1997, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Bông, huyện Đức Thọ (nay là huyện Vũ Quang), tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 03 tháng 02 năm 1997 theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/03/1997. Sau kết hôn vợ chồng sống chung tại khu phố B, phường B, thị xã D, tỉnh B.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, anh P còn thường xuyên đánh đập chị và con, vợ chồng chung sống không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc. Từ năm 2010, chị đã đưa con gái về quê ở huyện V, tỉnh H sinh sống và vợ chồng cũng ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức P.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Trần Tuấn A, sinh ngày 21/10/1999 và Nguyễn Trần Ngọc A, sinh ngày 11/6/2001. Cháu Tuấn A hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi con, cháu Ngọc A đang sống cùng chị Y. Sau khi ly hôn chị Y đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trần Ngọc A và tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Đức P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía bị đơn anh Nguyễn Đức P:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu anh Nguyễn Đức P có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của chị Trần Thị Y nhưng anh Nguyễn Đức P không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Đức P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/8/2018 nhưng anh P vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của chị Y.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm đã đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Trần Thị Y có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Đức P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa ngày 27/9/2018 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Đức P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Đức P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Bông, huyện Đức Thọ (nay là huyện Vũ Quang), tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 03 tháng 02 năm 1997 theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/02/1997 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị Trần Thị Y cho rằng quan hệ vợ chồng giữa chị và anh P đã có nhiều mâu

thuần trọng, không còn hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P không quan tâm chăm sóc vợ con mà còn thường xuyên đánh đập chị và con nên chị đã quyết định đưa con về quê Hà Tĩnh sinh sống và ly thân với anh P từ năm 2010 đến nay. Bản thân anh P, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh P đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều không muốn hàn gắn tình cảm. Vì vậy, chị Y yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Nguyễn Trần Tuấn A, sinh ngày 21/10/1999 đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trần Ngọc A, sinh ngày 11/6/2001. Anh Nguyễn Đức P không có ý kiến về vấn đề con chung. Xét cháu Ngọc A đang ở với chị Y và cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Y về việc nuôi dưỡng con chung.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Y tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Đức P cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147, các Điều 207, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Đức P (Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Đức Bồng, huyện Đức Thọ (nay là huyện Vũ Quang), tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 03 tháng 02 năm 1997).

2. Về con chung: Anh Nguyễn Đức P giao con chung Nguyễn Trần Ngọc A, sinh ngày 11/6/2001 cho chị Trần Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Y không yêu cầu anh Nguyễn Đức P cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Đức P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

Vì lợi ích về mọi mặt của con , theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên , Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Y phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019339 ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- CC THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND xã Đức Bông, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh (1);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Thanh

